

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05-01-2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Đình Đạt.

Ông Đỗ Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2021/QĐXX-ST ngày 30/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: thôn HV, xã TH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Giáp Thị A, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: thôn HV, xã TH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ cuối cùng của chị A tại Việt Nam: thôn BL, xã BS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại nước ngoài.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Trước khi kết hôn hai vợ chồng được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Đăng ký kết hôn ngày 22/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện LG, tỉnh

Bắc Giang nơi anh đăng ký hộ khẩu thường trú. Sau khi kết hôn chị A về nhà anh làm dâu ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận. Khoảng giữa năm 2007 vợ chồng mâu thuẫn chị A bỏ về nhà để sinh sống, khi chị A đi lao động tại nước ngoài (ĐS) cũng không thông báo gì với anh. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn hai vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh và chị A đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 12 năm 2007 đến nay anh và chị A không còn gọi điện hỏi thăm sức khỏe của nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Giáp Thị A.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày /01/2006. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh. Anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Anh không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Giáp Thị A là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 26/11/2021 và 10/12/2021: ông Giáp Văn B là bố đẻ chị Giáp Thị A cho biết chị A hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài (ĐS). Về quan hệ hôn nhân ông cho biết: Anh C, chị A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị A về nhà anh C làm dâu ngay. Thời gian đầu vợ chồng anh C, chị A chung sống hòa thuận nhưng đến giữa năm 2007 chị A cho biết mâu thuẫn với chồng nên chuyển về sinh sống cùng ông. Ông có khuyên bảo nhưng anh C, chị A không thống nhất được với nhau. Khoảng cuối năm 2007 chị A đi lao động tại nước ngoài (ĐS); về con chung: Vợ chồng anh C, chị A có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 24/01/2006. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh C; về tài sản chung, công nợ ông không biết.

Cháu Nguyễn Thị T có đơn trình bày: Cháu được biết bố mẹ cháu đang xin ly hôn, cháu có ý kiến, cháu hiện đang ở cùng bố, được bố chăm sóc nuôi dưỡng tốt vì vậy sau khi bố mẹ ly hôn cháu xin ở cùng với bố

Tại phiên tòa, Anh Nguyễn Văn C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Giáp Thị A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Nguyễn Văn C; Biên bản làm việc với bố đẻ của chị Giáp Thị A và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn anh Nguyễn Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Giáp Thị A không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị A. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị A là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C.

Xử cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Giáp Thị A.

Về con chung: Do chị A hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 24/01/2006 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng do chị A không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện viên kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn C là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn C.

Đối với bị đơn chị Giáp Thị A vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị A là ông Giáp Văn B để giao thông báo thụ lý vụ án và đề nghị ông B thông báo cho chị A biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn C và chị Giáp Thị A. Ông B cho biết chị A vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng chị A không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của chị A tại nước ngoài (ĐS). Vì vậy, đây là trường

hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Văn C là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Giáp Thị A. Theo Công văn trả lời số 28568/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 25/11/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, chị A xuất cảnh ngày 09/3/2010, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, chị A được xác định là đang ở nước ngoài. Theo lời khai của nguyên đơn, bố đẻ bị đơn thì nơi cư trú cuối cùng của chị A ở Việt Nam trước khi xuất cảnh lần gần nhất là thôn BL, xã BS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Giáp Thị A kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/4/2005 tại UBND xã TH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Giáp Thị A.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn C với chị Giáp Thị A. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh C và chị A chung sống với nhau được một thời gian đến giữa năm 2007 phát sinh mâu thuẫn, chị A bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và đi xuất khẩu lao động tại ĐS. Kể từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị A được ly hôn. Do đó, cần xác định vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C, cho anh C và chị A được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về nuôi con chung: Anh C và chị A có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 24/01/2006. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng anh C và do anh C chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn anh C có nguyện vọng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh C: Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị A đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hiện nay cháu T vẫn do anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần,

được đi học đầy đủ. Mặt khác cháu T trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở cùng bố. Nên căn cứ điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn C đề nghị được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị T. Giao cho anh C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 24/01/2006 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn chị Giáp Thị A có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị A thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp chị Giáp Thị A về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Giáp Thị A.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 24/01/2006 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Giáp Thị A không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị A có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị A thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000161 ngày 11/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Giáp Thị A hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã TH, huyện LG;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Hiền